TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Vũ Đại Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ Phú Thái, phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- Bị đơn: Chị Ngạc Thị Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 13, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Anh T trình bày: Anh và chị Điệp đăng ký kết hôn tại UBND phường Lương Sơn, thành phố Sông Công (cũ) ngày 23/7/2024. Khi kết hôn cả hai bên đều tự nguyện. Trước khi kết hôn với nhau anh và chị Điệp đều đã từng ly hôn. Sau khi kết hôn chị Điệp về sống với anh tại nhà riêng của anh. Nhưng vợ chồng anh chỉ chung sống với nhau hạnh phúc được một vài tháng đầu sau đó do chị Điệp vẫn nặng tình nghĩa với chồng cũ (do bị bệnh hiểm nghèo) và còn con nhỏ (với chồng trước) cần chăm sóc nên tình cảm chị Điệp dành cho anh không được như ban đầu. Từ đầu năm 2025 chị Điệp và anh đã ly thân, chị Điệp chuyển về tỉnh Cao Bằng sinh sống để nuôi con riêng. Hai bên đã nhiều lần trao đổi để tìm phương án giải quyết nhưng cả hai đều thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống như vậy, do đó anh xin ly hôn để ổn định cuộc sống lâu dài.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là chị Ngạc Thị Đ trình bày: Chị và anh Tuấn kết hôn tháng 7 năm 2024, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lương Sơn, thành phố Sông Công cũ theo đúng quy định. Trước khi kết hôn với anh Tuấn, chị đã từng ly hôn và có

con riêng. Chị và anh Tuấn có cưới hỏi theo phong tục, sau khi cưới chị về nhà riêng của anh Tuấn sinh sống. Nhưng do trong quá trình chung sống giữa vợ chồng chị có nhiều bất đồng quan điểm, cãi vã, không thể chung sống được nữa. Từ đầu năm 2025 chị đã về tỉnh Cao Bằng sống để chăm lo cho con riêng của mình nên vợ chồng đã ly thân từ đó tới nay. Bản thân chị Điệp cũng thấy rằng vợ chồng không thể tiếp tục sống với nhau. Vì vậy anh Tuấn xin ly hôn chị nhất trí. Chị nhất trí lựa chọn Toà án nhân dân Khu vực 2 – Thái Nguyên làm cơ quan giải quyết vụ án ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết, anh Tuấn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, chị Điệp có đơn xin vắng mặt, do đó vụ án phải đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa không đương sự nào thay đổi ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Anh T; Về con chung: Không có; Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Cần buộc anh Tuấn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "tranh chấp ly hôn". Các đương sự có thoả thuận lựa chọn Toà án Khu vực 2 – Thái Nguyên làm cơ quan giải quyết vụ án. Căn cứ theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 23/7/2024 của UBND phường Lương Sơn, thành phố Sông Công (cũ) thì thấy anh Trần Anh T và chị Ngạc Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo hai bên trình bày trước khi kết hôn với nhau, anh Tuấn chị Điệp đều đã từng ly hôn, có con riêng. Anh chị đều biết rõ về hoàn cảnh của nhau, tự nguyện kết hôn nhằm xây dựng mái ấm gia đình. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chỉ sống với nhau được khoảng vài tháng thì chị Điệp do vướng bận nhiều việc liên quan đến con riêng nên đã nảy sinh bất đồng quan điểm với anh Tuấn, tình cảm vợ chồng vì vậy cũng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Từ đầu năm 2025 chị Điệp đã bỏ về tỉnh Cao Bằng sống với con riêng, ly thân với anh Tuấn. Do thời gian ly thân đã nhiều tháng, anh Tuấn và chị Điệp đã nhiều lần trao đổi với nhau để tìm

phương án giải quyết nhưng không thành. Hiện tại cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân.

Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Tuấn và chị Điệp không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn là phù hợp.

Về con chung: Các đương sự đều xác định không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Trần Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 317, 318, 319, 320, 322 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Anh T, cho anh Trần Anh T được ly hôn với chị Ngạc Thị Đ.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Anh T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000902 ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Khu vực 2 - tỉnh Thái Nguyên), anh Tuấn được trả lại 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh Tuấn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Điệp biết được quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND Khu vực 2;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS Khu vực 2;
- UBND phường Bách Quang (Chứng nhận kết hôn số 53/24.7.2024 UBND phường Lương Sơn cũ);
- Lưu HS;

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Loan